

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/KDTM-ST

Ngày: 12/6/2023

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuân Văn

2. Bà Đặng Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Thanh Lâm Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLST-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-KDTM ngày 12/5/2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty TNHH X (viết tắt: Công ty X); Địa chỉ: đường LNT, TDP2 P X, phường BN, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Xuân C – Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Quang H. Đ/c: thôn 2 xã N, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Đầu tư – Xây dựng và Thương mại K (gọi tắt là công ty K); Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Viettel, số 39 Hùng Vương, phường ..., TP. Đ, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Việt T - Giám đốc. Địa chỉ: số 911 CC3A khu nhà ở xã hội phường P, TP N hoặc: 02/5 QT, phường ..., TP Đ, tỉnh LD. Vắng mặt lần thứ 2.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Đầu tư - Xây dựng và Thương mại K tại TPHCM (gọi tắt là: Chi nhánh K tại TPHCM); Địa chỉ: 284 CH, phường ..., quận TB, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Cù Chính P - Giám đốc. Địa chỉ thường trú: 10/2 đường NĐH, phường TB, TP HD, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt lần thứ 2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Đại diện nguyên đơn – Công ty X trong đơn khởi kiện, trong các văn bản tố tụng và trong các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa trình bày:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Đầu tư - Xây dựng và Thương mại K tại TPHCM (là chi nhánh hoạt động theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Đầu tư - Xây dựng và Thương mại K) và Công ty TNHH X ký hợp đồng số 01/XC- KHG/2022 về việc Thuê máy phục vụ công trình. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH X đã thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và đã được nghiệm thu khối lượng công việc đã được giao thực hiện. Căn cứ vào khối lượng công việc đã hoàn thành, Công ty TNHH X đã 02 lần xuất hóa đơn cho Chi nhánh Công ty K tại TPHCM theo yêu cầu. Cụ thể: ngày 22/03/2022 xuất hóa đơn VAT số 0000074 trị giá 64.912.000 vnd; ngày 25/07/2022 xuất hóa đơn VAT số 00000011 trị giá 27.158.000 vnd. Tổng cộng số tiền là: 92.070.000 vnd (chín mươi hai triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng). Công ty TNHH X đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại, gửi văn bản qua thiết bị điện thoại cho đại diện Công ty CP K để yêu cầu thanh toán dứt điểm số tiền đang nợ nhưng phía Công ty CP K nhiều lần trì hoãn. Căn cứ các Điều 5, 30, 35, điểm g khoản 1 Điều 40, 70, 71, 184, 185, 186, 189, 317 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015, các Điều 41, 45, 46 Luật Doanh Nghiệp 2014, các Điều 4, 306 Luật Thương mại 2005, các Điều 275, 280, 357, 419, 429, 468, 472 Bộ Luật dân sự 2015, chúng tôi làm đơn khởi kiện này yêu cầu tòa án buộc Công ty CP K thanh toán số nợ còn thiếu: 92.070.000vnd (chín mươi hai triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng). Tuyên buộc Công ty CP K có nghĩa vụ bồi thường do chậm thanh toán. Số tiền bồi thường tính theo lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả 92.070.000 vnd, từ ngày 26/07/2022 đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (12/06/2023): =  $92.070.000 * 10\% * \frac{321 \text{ ngày}}{365 \text{ ngày}}$  = 8.097.115 đồng (làm tròn 8.097.000 đồng). Tổng số tiền yêu cầu tuyên buộc Công ty CP K thanh toán (bao gồm nợ gốc và tiền bồi thường tính đến ngày 12/6/2023) là: 100.167.000 đồng.

\* Đối với bị đơn có đơn trình bày: Công ty Cổ phần TVTKĐTXD&TM K nhận được Công văn của Tòa án nhân dân TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình về việc xét xử dân sự của Công ty TNHH X. Công ty Cổ phần TVTKĐTXD&TM K ký hợp đồng thi công với Công ty Cổ phần TVTKĐTXD&TM K chi nhánh TP Hồ Chí Minh xây dựng TTTM số 2-7 xã Bảo Ninh – TP Đồng Hới nội dung hợp đồng Công ty cổ phần TVTKĐTXD&TM K chi nhánh TP Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm về vật tư thiết bị, nhân công để thi công công trình trên. Công ty Cổ phần TVTKĐTXD&TM K không liên hệ trực tiếp và làm việc với các nhà cung cấp vật tư và nhân công và không biết công ty X là ai. Còn về công nợ giữa công ty TNHH X và Công ty Cổ phần TVTKĐTXD&TM K chi nhánh TP Hồ Chí Minh tự giải quyết.

\* Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Không cung cấp giấy tờ cũng như trình bày ý kiến quan điểm liên quan đến vụ án. Không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo giấy triệu tập mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2, vì vậy, Tòa án căn cứ

vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 357, 385, 386, 398, 401, 472, 481 BLDS 2015; Điều 306 Luật Thương mại, đề nghị: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty K phải trả khoản tiền tính đến ngày 12/06/2023: 100.167.000 đồng (trong đó: nợ tiền thuê tài sản 92.070.000 và tiền nợ lãi chậm thanh toán 8.097.000 đồng). Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ Hợp đồng thuê tài sản nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; Điều 40 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập làm bản tự khai, tiến hành hòa giải nhưng bị đơn, người liên quan vắng mặt, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì các bên đã nhiều lần làm việc nhưng không tìm thấy sự thiện chí, cố tình chây ì, không hợp tác. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không được. Ngày 15/5/2023 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 77/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhưng bị đơn, người liên quan vắng mặt lần thứ nhất nên phải hoãn và ấn định lại vào ngày 12/6/2023. Bị đơn, người liên quan vắng mặt lần thứ 2, HĐXX căn cứ Điều 227, 228 tiến hành xét xử theo quy định.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Về khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Công ty K phải trả nợ khoản tiền còn lại theo Hợp đồng về việc: Thuê máy phục vụ công trình số: 01/XC-KHG/2022 ngày 03/01/2022 đã được ký kết giữa Công ty X – Đại diện là ông Bùi Xuân C – Giám đốc cùng với Chi nhánh K tại TPHCM – Đại diện ông Cù Chính P – Giám đốc, HĐXX xét thấy: Chi nhánh K tại TPHCM có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp mã số chi nhánh: 5800991912-003, đã đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 06 tháng 01 năm 2022; thông tin trong giấy chứng nhận có thể hiện: “...Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K ...”. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều 84 BLDS thì “1. Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân. 2. Chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của pháp nhân...6. Pháp nhân có quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do chi nhánh, văn phòng đại diện xác lập, thực hiện”...; khoản 1 Điều 87 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân”...,

Như vậy, Chi nhánh K tại TPHCM không có tư cách pháp nhân nên nguyên đơn khởi kiện Công ty K là hoàn toàn có căn cứ khi tranh chấp phát sinh từ hoạt động của Chi nhánh do công ty K ủy quyền.

**[2.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng:**

Căn cứ vào Hợp đồng về việc: Thuê máy phục vụ công trình số: 01/XC-KHG/2022 ngày 03/01/2022 đã được ký kết giữa Công ty X cùng với Chi nhánh K tại TPHCM xác định được giữa hai công ty có sự ký kết thỏa thuận trong việc công ty X cho Chi nhánh công ty K tại TPHCM thuê máy thi công và xe tải phục vụ thi công công trình “Khu đô thị Bảo Ninh 1” với thời gian bắt đầu cho thuê: từ ngày 14/01/2022 đến khi hoàn thành công việc.

Ngày 28/3/2022, nguyên đơn có Bảng tổng hợp khối lượng công việc xác định từ ngày 14/01/2022 đến ngày 12/03/2022 gồm 28 ngày bên nguyên đơn cho bên Chi nhánh K tại TPHCM thuê các loại máy KOMATSU PC200-8N1, DOOSAN DX 140W, DOOSAN DX55W trên cơ sở căn cứ vào 36 phiếu xác nhận khối lượng có ký tên của Hoàng Thế Hoà, Hà Minh Lâm, Oanh, Bang, Thái Bình Phương (theo lời khai nguyên đơn là tên của các nhân viên của bên thuê máy). Tổng cộng số tiền phải thanh toán là: 92.070.000đ. Nguyên đơn đã xuất 02 hoá đơn giá trị gia tăng cho chi nhánh Công ty K tại TPHCM vào ngày 22/3/2022 với số tiền 64.912.000 đồng và ngày 25/7/2022 với số tiền: 27.158.000đ.

Ngày 28/3/2023, phía nguyên đơn đã tiến hành lập Vi bằng xác định tin nhắn trên zalo “Ngọc Sơn” của ông Bùi Ngọc Sơn – Nhân viên Công ty X với zalo “Chú Phương Cty K .....” số máy điện thoại: 0789282394. Cụ thể nội dung các tin nhắn thể hiện nguyên đơn đã gửi bằng đường zalo cho ông P biết về 2 Hoá đơn giá trị gia tăng nói trên và ngày 15/8/2022 ông P xác định **“KT lam ttuc rồi, trong tuan nay chuyen nhe”** nhưng sau đó bên ông P vẫn hứa hẹn về việc trả nợ, nên phía nguyên đơn đã thông báo về việc khởi kiện tại Toà án.

Từ những chứng cứ ở trên, xác định lời khai của Công ty X là hoàn toàn có căn cứ, cần chấp nhận với số tiền nợ theo Hợp đồng 01/XC-KHG/2022 ngày 03/01/2022 đã được ký kết giữ 2 bên là: **92.070.000đ** để buộc công ty K phải trả cho công ty X

**[2.2]. Về phần tiền lãi chậm thanh toán:**

Tại Hợp đồng 01/XC-KHG/2022 ngày 03/01/2022 được ký kết giữa hai bên Công ty X và Chi nhánh Công ty K tại TP HCM, các giấy tờ có trong hồ sơ không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả nợ nhưng khi có tranh chấp xảy ra và nguyên đơn đề nghị tính lãi chậm trả thì căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 qui định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Như vậy, các bên không có thỏa thuận về lãi. Căn cứ vào mức lãi suất quá hạn trung bình của các ngân hàng thương mại trên địa bàn Quảng Bình gồm Agribank, Vietcombank, Vietinbank tại thời điểm xét xử. Theo yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là 10%/năm (0,833%/tháng, 0,027%/ngày), tức

là dưới mức lãi suất quá hạn trung bình của ba ngân hàng nói trên tại thời điểm xét xử nên cần ghi nhận. Ngày 25/7/2022 là ngày phía bên công ty X xuất hóa đơn GTGT sau cùng cũng là ngày phải thanh toán tiền theo hóa đơn nhưng phía Chi nhánh Công ty K tại TPHCM không thực hiện nghĩa vụ nên bắt đầu tính lãi chậm trả từ ngày 26/7/2022 là có cơ sở để chấp nhận số tiền lãi là  $92.070.000đ \times 10\%/năm \times (321 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}) = 8.097.115đ$  làm tròn là 8.097.000đ.

Như vậy số tiền tạm tính đến ngày xét xử cần chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là: 100.167.000đ.

Tiếp tục tính lãi từ ngày 13/6/2023 cho đến ngày thanh toán xong khoản tiền nợ thuê tài sản chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

**[4] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 35; Điều 40; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 357; 385; 386; 398; 401; 472; 481 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại 2005;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Đầu tư – Xây dựng và Thương mại K phải trả cho Công ty TNHH X số tiền tính đến ngày 12/6/2023 là: 100.167.000 đồng (trong đó: tiền thuê tài sản còn nợ 92.070.000 đồng và nợ lãi chậm thanh toán: 8.097.000 đồng)

1.2. Từ ngày 13/6/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Đầu tư – Xây dựng và Thương mại K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền gốc (tiền thuê tài sản) chậm trả theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

### **2. Án phí:**

2.1. Bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Đầu tư – Xây dựng và Thương mại K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 5.008.000 đồng.

2.2. Nguyên đơn Công ty TNHH X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.359.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 31AA/2021/0001328 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Hoàng Thị Thanh Nhàn**

